

thể làm giảm nguy cơ rối loạn điện giải và cải thiện tiên lượng bệnh.

V. KẾT LUẬN

Rối loạn điện giải, đặc biệt là hạ natri máu (18,2%) và tăng canxi máu (6,8%), là tình trạng phổ biến ở bệnh nhân ung thư phổi. Hạ natri máu có liên quan đáng kể với kích thước khối u (>7 cm, $p = 0,03$) và chủ yếu gặp ở bệnh nhân ung thư biểu mô tuyến. Tăng canxi máu phổ biến hơn ở bệnh nhân trên 60 tuổi ($p = 0,032$) và có hút thuốc lá.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Bray F, Ferlay J, Soerjomataram I, et al.** Global cancer statistics 2018: GLOBOCAN estimates of incidence and mortality worldwide for 36 cancers in 185 countries. *CA Cancer J Clin.* 2018; 68(6):394-424.
2. **Bộ Y tế**, Viện Nghiên cứu Phòng chống Ung thư. Báo cáo tình hình ung thư tại Việt Nam năm 2018. Nhà xuất bản Y học, 2019.
3. **Johnson BE.** Paraneoplastic syndromes in lung cancer. *Semin Oncol.* 2004;31(6):1-8.
4. **Berardi R, Rinaldi S, Santoni M, et al.** Paraneoplastic syndromes in lung cancer: Diagnostic and management implications. *J Thorac Dis.* 2018;10(8):4654-4665.
5. **Hanna N, Johnson DH.** Systemic effects of lung cancer. *J Natl Compr Canc Netw.* 2006;4(1):25-31.
6. **Schwartz GG, Skinner HG.** Vitamin D status and cancer: New insights. *Curr Opin Clin Nutr Metab Care.* 2007;10(1):6-11.
7. **Ellison DH, Berl T.** The syndrome of inappropriate antidiuresis. *N Engl J Med.* 2007;356(20):2064-2072.
8. **Mundy GR, Edwards JR.** PTH-related peptide (PTHrP) in hypercalcemia of malignancy. *J Clin Invest.* 2008;122(4):1345-1347.

Kiến thức và Thái độ của Điều dưỡng Khi Áp dụng Thang Điểm Cảnh Báo Sớm (NEWS2)

Lê Thị Hằng^{1,2}, Trần Thiện Trung², Nguyễn Gia Hiệp¹

TÓM TẮT

Mục tiêu: Xác định tỷ lệ kiến thức, thái độ và tỷ lệ áp dụng thang điểm cảnh báo sớm National early warning score 2 (NEWS2) của điều dưỡng dựa trên quyết định 3790/QĐ – BV về việc ban hành quy trình tổ chức cấp cứu nội viện của Bệnh viện Quân Y 175 và các yếu tố liên quan. **Phương pháp:** Nghiên cứu cắt ngang mô tả, được tiến hành từ 9/2024 đến 6/2025 trên 176 điều dưỡng chăm sóc trực tiếp người bệnh tại mười khoa triển khai thí điểm đơn vị Hồi sức cấp cứu của bệnh viện được quy định trong quyết định trên. **Kết quả:** Có 75% điều dưỡng có kiến thức đúng và 30.1% có thái độ tích cực khi áp dụng NEWS2. Tỷ lệ điều dưỡng áp dụng tốt thang điểm cảnh báo sớm (NEWS2) trong theo dõi diễn biến lâm sàng của người bệnh chỉ chiếm 41.5%. Trong đó có 36.3% điều dưỡng áp dụng NEWS2 đúng theo các thời điểm theo quy định, tỷ lệ tuân thủ tại đánh giá thang điểm là 56.3%, tỷ lệ điều dưỡng áp dụng các đáp ứng lâm sàng khi có sự thay đổi mức điểm NEWS2 là 62.5%. Các yếu tố liên quan đến việc áp dụng thang điểm này bao gồm khối khoa làm việc, thái độ của điều dưỡng. **Kết luận:** Tỷ lệ điều dưỡng áp dụng tốt thang điểm NEWS2 chưa cao, chỉ chiếm 41.5%. Do đó, để duy trì triển khai NEWS2 tốt hơn, Bệnh viện cần xem xét tích hợp vào hệ thống bệnh án điện tử nhằm đơn giản hóa

quy trình, tăng tính khả thi và hiệu quả trong áp dụng thực tế. **Từ khóa:** Kiến thức, thái độ, áp dụng, điều dưỡng, thang điểm cảnh báo sớm, yếu tố liên quan.

SUMMARY

NURSES' KNOWLEDGE AND ATTITUDES WHEN APPLYING THE EARLY WARNING SCORE (NEWS2)

Objective: To determine the rate of knowledge, attitude and application rate of National early warning score 2 (NEWS2) of nurses based on Decision 3790/QĐ – BV on promulgating the process of organizing in-hospital emergency care of Military Hospital 175 and related factors. **Methods:** A descriptive cross-sectional study was conducted from September 2024 to June 2025 on 176 nurses directly caring for patients in ten departments implementing the pilot Emergency Resuscitation unit of the Hospital as prescribed in the above decision. **Results:** 75% of nurses had correct knowledge and 30.1% had a positive attitude when applying NEWS2. The rate of nurses who applied the early warning score (NEWS2) well in monitoring the clinical progress of patients was only 41.5%. Of which, 36.3% of nurses applied NEWS2 at the prescribed times, the rate of compliance with re-evaluation of the scale was 56.3%, the rate of nurses applying clinical responses when there was a change in the NEWS2 score was 62.5%. Factors related to the application of this score include the working department and the attitude of nurses. **Conclusions:** The rate of nurses applying the NEWS2 score well is not high, only 41.5%. Therefore, to maintain better implementation of NEWS2, the Hospital needs to consider integrating it into the electronic medical record system to simplify the

¹Bệnh viện Quân Y 175

²Đại học Y dược Thành Phố Hồ Chí Minh

Chịu trách nhiệm chính: Lê Thị Hằng

Email: lehang10592@gmail.com

Ngày nhận bài: 28.4.2025

Ngày phản biện khoa học: 27.5.2025

Ngày duyệt bài: 30.6.2025

process, increase feasibility and effectiveness in practical application.

Keywords: Knowledge, attitude, application, nursing, early warning score, related factors.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

An toàn người bệnh là ưu tiên hàng đầu trong mọi hệ thống y tế và là nền tảng thiết yếu trong việc cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe chất lượng. Trong đó việc phát hiện và xử trí kịp thời những trường hợp người bệnh trong tình trạng nặng vẫn đang là một thách thức lớn, đặc biệt tại các bệnh viện có lượng người bệnh đông và tình trạng bệnh lý phức tạp. Trên cơ sở đó, hệ thống cảnh báo sớm Early Warning System (EWS) đã được phát triển, giúp nhân viên y tế xác định kịp thời hơn các diễn biến nặng của người bệnh. Đây là hệ thống điểm được tính từ dấu hiệu sinh tồn của người bệnh. Hệ thống cảnh báo sớm có nhiều thang điểm, nhưng nổi trội hơn hết là National Early Warning score 2 (NEWS2) - sự hoàn thiện nhất về EWS cho đến thời điểm hiện tại[3].

Điều dưỡng là người túc trực liên tục bên giường bệnh, đóng vai trò then chốt trong việc phát hiện sớm và phản ứng với các thay đổi lâm sàng của người bệnh. Nhiều nghiên cứu đã chứng minh rằng việc điều dưỡng áp dụng NEWS2 một cách chính xác có thể giúp cải thiện kết cục lâm sàng, giảm tỷ lệ nhập khoa hồi sức tích cực, rút ngắn thời gian nằm viện và giảm tỷ lệ tử vong[1]. Tuy nhiên, trong thực tế, một số điều dưỡng vẫn chưa hình thành thói quen sử dụng thang điểm này do xem đây là công việc bổ sung, gia tăng khối lượng công việc[4]. Nghiên cứu trên Thế giới cho thấy tỷ lệ áp dụng còn hạn chế 53% và có mối quan hệ giữa trình độ kiến thức, thái độ, kỹ năng, đào tạo và động lực làm việc của điều dưỡng với việc thực hiện hệ thống cảnh báo sớm tại khu điều trị nội trú cho người lớn[5]. Tại Việt Nam, số liệu nghiên cứu liên quan còn ít, chủ yếu mới ghi nhận tỷ lệ áp dụng thang điểm Modified Early Warning Score (MEWS) là 88,1%[2], trong khi chưa có công trình nào đánh giá cụ thể về mức độ áp dụng và các yếu tố liên quan đến NEWS2. Do đó, khi bệnh viện ban hành quyết định 3790/QĐ - BV, chúng tôi tiến hành nghiên cứu với mục tiêu: *Xác định tỷ lệ kiến thức, thái độ và áp dụng NEWS2 của điều dưỡng và các yếu tố liên quan.*

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu: Điều dưỡng chăm sóc trực tiếp người bệnh thuộc mười khoa triển khai thí điểm đơn vị hồi sức cấp cứu theo quyết định 3790/QĐ- BV của bệnh viện, đồng ý tham

gia nghiên cứu và đã được ký hợp đồng chính thức.

Tiêu chuẩn loại ra: Điều dưỡng làm công tác hành chính và vắng mặt trong thời gian nghiên cứu.

Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 9/2024 đến 6/2025

Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang

Cỡ mẫu. Sử dụng công thức ước lượng một tỷ lệ với độ chính xác tuyệt đối, $\alpha = 0.05$, sai số cho phép $d=0.05$. Tỷ lệ ước đoán $p=0.881$ [2]. Chúng tôi thu được cỡ mẫu tối thiểu là 162 người. Tổng số điều dưỡng thực tế tham gia nghiên cứu là 176. Phương pháp chọn mẫu: Chọn mẫu thuận tiện

Công cụ thu thập số liệu. Bộ công cụ nghiên cứu được thiết kế gồm 4 phần:

Phần 1: 5 câu hỏi về đặc điểm đối tượng nghiên cứu.

Phần 2: 13 câu hỏi đánh giá kiến thức của điều dưỡng về NEWS2[8], chia thành 4 khía cạnh: Định nghĩa và chỉ định áp dụng (2 câu), thông số sinh lý (4 câu), tính điểm (3 câu), đáp ứng lâm sàng (4 câu). Điểm mỗi câu: đúng = 1, sai = 0. Kiến thức đạt khi tổng điểm $\geq 9/13$ ($\geq 70\%$).

Phần 3: 10 câu hỏi đánh giá thái độ của điều dưỡng về NEWS2[6], chia thành 4 khía cạnh: hữu ích với người bệnh (2 câu), hữu ích với nhân viên y tế (4 câu), sự cần thiết (2 câu), sự tiện lợi (2 câu). Điểm đánh giá theo Likert 5 mức (1 = Rất không đồng ý đến 5 = Rất đồng ý). Thái độ tích cực khi đạt $\geq 40/50$ điểm ($\geq 80\%$).

Phần 4: 3 câu hỏi về áp dụng NEWS2 theo quyết định 3790/QĐ-BV của bệnh viện. Đánh giá bằng thang Likert 5 mức (1 = Chưa bao giờ đến 5 = Luôn luôn). Áp dụng tốt khi đạt $\geq 12/15$ điểm ($\geq 80\%$).

Bộ công cụ được đánh giá bởi 7 chuyên gia và thử nghiệm trên 30 điều dưỡng, có giá trị nội dung và độ tin cậy như sau: (Bảng 1)

Bảng 1. Giá trị nội dung và độ tin cậy của bộ câu hỏi

Nội dung đánh giá	I - CVI	Kuder - Rircharson 20/Cronbach's alpha (n=30)
Kiến thức về NEWS2	0.95	0.73
Thái độ về NEWS2	0.99	0.89
Áp dụng NEWS2	1	0.93
S - CVI		0.98

Xử lý và phân tích số liệu: Số liệu được làm sạch, nhập và phân tích bằng phần mềm SPSS 25.0 có sử dụng các test thống kê Y học.

Đạo đức nghiên cứu: Nghiên cứu thực hiện thông qua sự đồng ý của Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu Y sinh học của trường Đại học

Y dược TP Hồ Chí Minh số 2129/ĐHYD -HĐĐĐ ký ngày 23/08/2024.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Đặc điểm nhân khẩu học: Tuổi trung bình của đối tượng nghiên cứu là 33.02 ± 7.51 tuổi, đa số là nữ (76.7%), độ tuổi <40 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất (78.4%), đa số có trình độ đại học và sau đại học (59.1%). Điều dưỡng trong nghiên cứu có kinh nghiệm làm việc < 10 năm chiếm tỉ lệ (61.4%) cao hơn gấp 2 lần so với điều dưỡng có kinh nghiệm ≥ 10 năm. Điều dưỡng làm việc ở các khoa khối nội chiếm tỷ lệ 52.3% và khối ngoại với 47.7%. (Bảng 2)

Bảng 2. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu (N=176)

Đặc điểm	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Tuổi (TB ± ĐLC)	33.02 ± 7.51	
Nhóm tuổi		
< 30 tuổi	70	39.8
30-39	68	38.6
≥ 40 tuổi	38	21.6
Giới tính		
Nam	41	23.3
Nữ	135	76.7
Trình độ chuyên môn		
Trung cấp	5	2.8
Cao đẳng	67	38.1
Đại học/Sau ĐH	104	59.1
Kinh nghiệm làm việc		
<10 năm	108	61.4
≥ 10 năm	68	38.6
Khoa làm việc		
Khối Nội	92	52.3
Khối Ngoại	84	47.7

Kiến thức về thang điểm cảnh báo sớm (NEWS2): Tỷ lệ trả lời đúng các câu hỏi theo từng khía cạnh kiến thức về NEWS2 của điều dưỡng dao động từ 71.4% đến 81.5%. Trong đó các câu hỏi về tính điểm NEWS2 có tỷ lệ trả lời đúng thấp nhất với 71.4%. Kết quả nghiên cứu chung cho thấy, có 75% điều dưỡng được đánh giá là đạt kiến thức về NEWS2. (Bảng 3)

Bảng 3. Kiến thức của Điều dưỡng về NEWS2

Đặc điểm	Tỷ lệ (%)
Kiến thức theo từng khía cạnh	
Định nghĩa và chỉ định áp dụng NEWS2	81.5
Các thông số sinh lý trong NEWS2	77.2
Tính điểm NEWS2	71.4
Đáp ứng lâm sàng theo NEWS2	76.2
Kiến thức chung về NEWS2 (N=176)	
Đạt (n=132)	75
Chưa đạt (n=44)	25

Thái độ về thang điểm cảnh báo sớm (NEWS2): Điều dưỡng có thái độ tích cực chung về NEWS2 chiếm tỷ lệ tương đối thấp 30.1%. Trong đó, tỷ lệ điều dưỡng có thái độ tích cực theo từng khía cạnh của NEWS2 dao động từ 52.5% đến 84.4%. (Bảng 4)

Bảng 4. Thái độ của điều dưỡng về NEWS2

Đặc điểm	Tỷ lệ (%)
Thái độ theo từng khía cạnh về NEWS2	
Tính hữu ích của NEWS2 đối với NVYT	82.7
Tính hữu ích của NEWS2 đối với người bệnh	84.4
Sự cần thiết của NEWS2	52.5
Sự tiện lợi của NEWS2	63.1
Thái độ chung (N=176)	
Thái độ tích cực (n=53)	30.1
Thái độ chưa tích cực (n=123)	69.9

Áp dụng thang điểm cảnh báo sớm (NEWS2) của điều dưỡng

Điều dưỡng áp dụng tốt NEWS2 trong theo dõi diễn biến lâm sàng NB chỉ chiếm 41.5%. Trong đó có 36.3% điều dưỡng áp dụng NEWS2 đúng theo các thời điểm theo quy định, tỷ lệ tuân thủ tái đánh giá thang điểm là 56.3%, tỷ lệ điều dưỡng áp dụng các đáp ứng lâm sàng khi có sự thay đổi mức điểm NEWS2 là 62.5%. (Bảng 5)

Bảng 5. Áp dụng thang điểm (NEWS2) (N=176)

Đặc điểm	Áp dụng tốt		Áp dụng chưa tốt	
	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Áp dụng đúng các thời điểm theo quy định	64	36.3	112	63.7
Tuân thủ tái đánh giá NEWS2	99	56.3	77	43.7
Tuân thủ các đáp ứng lâm sàng theo NEWS2	110	62.5	66	37.5
Áp dụng NEWS2	73	41.5	103	58.5

Một số yếu tố liên quan đến việc áp dụng thang điểm cảnh báo sớm (NEWS2)

Bảng 6. Mối liên quan giữa đặc điểm của điều dưỡng với việc áp dụng (NEWS2) (N=176)

Đặc điểm	Áp dụng NEWS2		P	OR
	Tốt (n=73)	Chưa tốt (n=103)		
Khoa làm việc				
Khối Nội	45 (38.2)	47 (53.8)	0.046 ^{a*}	1
Khối Ngoại	28 (33.3)	56 (66.7)		1.92 (1.04-3.53)

a: Chi - square

Có mối liên quan giữa nơi làm việc với việc

áp dụng NEWS2. Cụ thể, điều dưỡng làm việc ở khối nội có khả năng áp dụng tốt NEWS2 cao hơn 1.92 lần so với điều dưỡng làm việc ở các khoa thuộc khối ngoại, sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê ($p < 0.05$). Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu không tìm thấy mối liên quan giữa tuổi, giới tính, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc với việc áp dụng NEWS2 của điều dưỡng. (Bảng 6)

Bảng 7. Mối liên hệ giữa kiến thức, thái độ với việc áp dụng (NEWS2) (N=176)

Đặc điểm	Áp dụng NEWS2		p	OR (KTC 95%)
	Tốt (n=73)	Chưa tốt (n=103)		
Kiến thức				
Đúng	51 (38.6)	81 (61.4)	0.22 ^a	0.63 (0.32-1.26)
Chưa đúng	22 (50.0)	22 (50.0)		
Thái độ				
Tích cực	29 (54.7)	24 (45.3)	0.021 ^{a*}	2.17 (1.13-4.16)
Chưa tích cực	44 (35.8)	79 (64.2)		

a: Chi - square

Có mối liên quan giữa thái độ của điều dưỡng với việc áp dụng NEWS2. Cụ thể, điều dưỡng có thái độ tích cực thì khả năng áp dụng tốt NEWS2 cao gấp 2.17 lần so với điều dưỡng có thái độ chưa tích cực, ($p = 0.021$). Không tìm thấy mối liên quan nào giữa kiến thức của điều dưỡng với việc áp dụng thang điểm này. (Bảng 7).

IV. BÀN LUẬN

Trong số 176 điều dưỡng tham gia nghiên cứu, nữ giới chiếm đa số (76,7%), phản ánh đặc thù giới tính của ngành điều dưỡng – lĩnh vực gắn liền với chăm sóc sức khỏe người bệnh. Tỷ lệ này tương đồng với nghiên cứu của La Thanh Hải [1] (84%) và Setiyadi [9] (81,25%). Về độ tuổi, nhóm dưới 40 tuổi chiếm 78,4%, phù hợp với xu hướng trẻ hóa lực lượng điều dưỡng hiện nay và nghiên cứu của Setiyadi [9], đồng thời cho thấy nhóm này có năng lượng, khả năng thích nghi và hiệu suất làm việc cao. Trình độ chuyên môn cũng có cải thiện rõ rệt với 59,1% có bằng đại học trở lên, cao hơn đáng kể so với nghiên cứu của La Thanh Hải [1] (40%), cho thấy yêu cầu ngày càng cao trong chăm sóc sức khỏe buộc điều dưỡng phải nâng cao trình độ. Tuy nhiên, do lực lượng trẻ chiếm ưu thế, chỉ 38,6% có thâm niên từ 10 năm trở lên – tương đương nghiên cứu của Setiyadi [9] (42%). Điều này đặt ra yêu cầu về chính sách đào tạo và giữ chân nhân lực có kinh nghiệm. Về lĩnh vực làm việc, tỷ lệ điều dưỡng nội khoa và ngoại khoa tương đối cân bằng (52,3% và 47,7%), cho thấy

sự phân bổ nhân lực hợp lý tại cơ sở nghiên cứu, dù khác biệt với nghiên cứu của Ludin SM [8], nơi điều dưỡng ngoại khoa chiếm ưu thế (63,9%). Sự khác biệt này có thể do đặc điểm tổ chức và chuyên môn tại từng quốc gia hoặc cơ sở y tế.

Về kiến thức, có 75% điều dưỡng đạt mức kiến thức đúng về NEWS2, cao hơn so với nghiên cứu của Setiyadi [8] (66%). Điều này cho thấy sau khi ban hành quyết định số 3790/QĐ-BV, BV đã triển khai hoạt động hướng dẫn và đào tạo hiệu quả cho đội ngũ điều dưỡng. Tuy nhiên, tỷ lệ trả lời đúng các câu hỏi liên quan đến phần tính điểm của NEWS2 chỉ đạt 59,1%. Nguyên nhân có thể do sự nhầm lẫn trong quá trình cộng dồn điểm số của các chỉ số sinh tồn – vốn là phần đòi hỏi độ chính xác cao trong tính toán. Trên cơ sở đó, việc tích hợp phần mềm hỗ trợ tính điểm, đặc biệt là trong hệ thống bệnh án điện tử, là cần thiết nhằm giảm thiểu sai sót và tiết kiệm thời gian cho điều dưỡng.

Về thái độ, chỉ 30,1% điều dưỡng thể hiện thái độ tích cực với việc áp dụng NEWS2. Bên cạnh đó, 75% cho rằng việc áp dụng công cụ này làm tăng khối lượng công việc, và 63,1% đồng ý rằng nếu có sự hỗ trợ của phần mềm hoặc bệnh án điện tử thì việc áp dụng sẽ trở nên thuận tiện hơn và ít tốn thời gian hơn. Kết quả này thấp hơn đáng kể so với nghiên cứu của Setiyadi [8] (77,7%). Sự khác biệt có thể xuất phát từ thực tế rằng bệnh viện trong nghiên cứu hiện tại mới bắt đầu triển khai áp dụng thang điểm NEWS2, và theo học thuyết hành vi, khi một công cụ hoặc quy trình mới được đưa vào ứng dụng thực tế, thường có sự e ngại hoặc từ chối ban đầu cho đến khi thấy được hiệu quả rõ rệt.

Kết quả nghiên cứu cho thấy chỉ có 41,5% điều dưỡng áp dụng hiệu quả NEWS2 trong theo dõi diễn tiến lâm sàng người bệnh. Đây là một tỷ lệ chưa cao, cho thấy việc ứng dụng công cụ này trong thực hành điều dưỡng còn gặp nhiều hạn chế. So sánh với nghiên cứu của Nguyễn Thúy Uyên [2], khi áp dụng MEWS tại khoa cấp cứu với tỷ lệ áp dụng đạt 88,1%, kết quả của chúng tôi thấp hơn đáng kể. Sự khác biệt có thể được lý giải bởi bối cảnh và phương pháp đánh giá khác nhau. Trong nghiên cứu của Nguyễn Thúy Uyên, việc đánh giá được thực hiện tại khoa cấp cứu – nơi có quy mô nhỏ, dễ tổ chức đào tạo, giám sát và kiểm soát việc thực hành. Đồng thời, việc sử dụng MEWS được đánh giá tại một thời điểm cụ thể khi người bệnh được tiếp nhận, trong khi nghiên cứu này đánh giá việc sử dụng NEWS2 trong suốt quá trình theo dõi lâm sàng, đòi hỏi tính liên tục và nhất quán trong thực hành.

Nghiên cứu cho thấy có mối liên hệ có ý nghĩa thống kê giữa khối làm việc và việc áp dụng NEWS2 ($p < 0,05$). Kết quả này cho thấy điều dưỡng làm việc tại các khoa khối nội – nơi thường tiếp nhận người bệnh có tình trạng nặng, cần theo dõi sát – có xu hướng áp dụng NEWS2 hiệu quả hơn. Đây là điều phù hợp với đặc thù chuyên môn, khi việc phát hiện sớm các dấu hiệu cảnh báo suy giảm lâm sàng đóng vai trò quan trọng trong chăm sóc người bệnh nội khoa. Ngoài ra, nghiên cứu còn ghi nhận mối liên hệ giữa thái độ của điều dưỡng và việc áp dụng NEWS2, với ý nghĩa thống kê cao ($p < 0,001$). Cụ thể, điều dưỡng có thái độ tích cực thì áp dụng thang điểm này hiệu quả hơn 2,17 lần so với những người có thái độ chưa tích cực. Điều này nhấn mạnh vai trò của yếu tố thái độ trong việc tiếp nhận và thực hành công cụ chuyên môn mới. Việc xây dựng nhận thức tích cực thông qua truyền thông nội bộ, đào tạo và phản hồi lâm sàng sẽ góp phần nâng cao hiệu quả ứng dụng NEWS2 trong thực tế chăm sóc.

V. KẾT LUẬN

Có 75% điều dưỡng có kiến thức đúng và 30.1% có thái độ tích cực khi áp dụng NEWS2. Tỷ lệ điều dưỡng áp dụng tốt thang điểm NEWS2 chưa cao, chỉ chiếm 41.5%. Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu đã chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng và hỗ trợ cho việc áp dụng NEWS2 là nơi làm việc và thái độ của điều dưỡng. Do đó, để duy trì triển khai NEWS2 tốt hơn, bệnh viện cần tăng cường công tác đào tạo, nhấn mạnh vai trò của NEWS2 trong đảm bảo an toàn người bệnh và xem xét tích hợp cách tính điểm vào hệ thống bệnh án

điện tử nhằm đơn giản hóa quy trình, tăng tính khả thi và hiệu quả trong áp dụng thực tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Hải LT.** Hiệu quả tập huấn Điều dưỡng sử dụng thang điểm cảnh báo sớm cải tiến (NEWS2). Tạp chí Y học TPHCM. 2022;7.
2. **Uyên NT, et al.** Giá trị tiên đoán của chỉ số cảnh báo sớm ở người bệnh cấp cứu. Tạp chí Y học TPHCM. 2021;50–50.
3. **Royal College of Physicians.** National Early Warning Score (NEWS) 2 [Internet]. RCP London. 2017 [cited 2024 Apr 10]. Available from: <https://www.rcplondon.ac.uk/projects/outputs/national-early-warning-score-news-2>.
4. **Bellomo R, Chan M, Guy C, et al.** Laboratory alerts to guide early intensive care team review in surgical patients: A feasibility, safety, and efficacy pilot randomized controlled trial. Resuscitation. 2018;133:167–172.
5. **PoWer.** Implementation of an Early Warning System to Decrease Intensive Care Unit Transfers [Internet]. [cited 2024 Apr 10]. Available from: <https://archive.hshsl.umaryland.edu/handle/10713/15721>.
6. **Xiong Y, Dai W, Yu R, et al.** Physician awareness and attitudes regarding early warning score systems in mainland China: a cross-sectional study. Singapore Med J. 2022;63(3): 162–166.
7. **Alias AL, Ludin SM.** Knowledge, Attitudes and Practice of Nurses in Assessing Patients using Early Warning Sign (EWS) Scoring in a teaching hospital in Kuantan Pahang, Malaysia. Int J Care Scholars [Internet]. 2021 Dec. 9 [cited 2025 Apr. 24];4(Supp1):48-57.
8. **Setiyadi A, Mulyati S, Mustikowati T.** Hubungan Tingkat Pengetahuan Perawat terhadap Sikap Perawat dalam Menindaklanjuti Penilaian Nursing Early Warning Score System (NEWS) di Gedung A RSUPN Dr. Cipto Mangunkusumo Jakarta. Jurnal Pendidikan Tambusai. 2022;6(1):1160–1166.

CO GIẬT SAU ĐỘT QUY NÃO: TÌNH HÌNH VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ NGUY CƠ

Trần Duy Minh¹, Nguyễn Văn Khoe², Huỳnh Văn Hiệp³

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Cơ cơ giật là một biến chứng thường gặp của đột quy não. Co giật sau đột quy não có thể phát triển thành bệnh động kinh, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình trạng sức khỏe và chất lượng

cuộc sống của bệnh nhân. Ở nước ta hiện tại còn khá ít các nghiên cứu được tìm thấy về tình trạng này.

Mục tiêu nghiên cứu: Xác định tỉ lệ và một số yếu tố nguy cơ của cơ cơ giật trên bệnh nhân sau đột quy não. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu cắt ngang mô tả được tiến hành trên 510 bệnh nhân đột quy não từ tháng 5/2023 đến tháng 1/2025 tại Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ. **Kết quả:** Tỉ lệ cơ cơ giật sau 1 năm theo dõi ở các bệnh nhân sau đột quy não là 7.6%. Xuất huyết não, tổn thương liên quan vỏ não và khiếm khuyết thần kinh ban đầu mức độ từ trung bình-nặng là các yếu tố liên quan đến sự xuất hiện co giật sau đột quy não, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê. **Kết luận:** Cơ cơ giật sau đột quy não là một biến chứng thường gặp và có thể ảnh hưởng lớn đến chất lượng cuộc sống người

¹Trường Đại học Y dược Cần Thơ

²Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ

³Bệnh viện Đa khoa tỉnh Sóc Trăng

Chịu trách nhiệm chính: Trần Duy Minh

Email: tdminh150198@gmail.com

Ngày nhận bài: 28.4.2025

Ngày phản biện khoa học: 26.5.2025

Ngày duyệt bài: 30.6.2025